

Số: 01/2021/QĐST – DS

G, ngày 15 tháng 4 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147; 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự;
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hng TMCP S. (gọi tắt là Ngân Hàng).

Địa chỉ: Số 226 – 268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khắc H – Trưởng phòng kiểm sát rủi ro Sacombank chi nhánh N.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn N, xã Gia P, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng ký ngày 27/03/2018: Đến hết ngày 30/05/2021 bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 12.778.044 (Bằng chữ: Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng) bao gồm gốc là 7.976.805 đồng, lãi quá hạn 4.801.239 đồng tính đến ngày 07/4/2021 và lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc kể từ ngày 08/4/2021 đến ngày 30/5/2021. Nếu đến ngày 30/05/2021 bà Đỗ Thị H không thực hiện đúng cam kết trả nợ thì bà Đỗ Thị H phải trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo cam kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng

và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên ký ngày 27/3/2018 cho đến khi bà Đỗ Thị H trả xong toàn bộ số nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1808800167 ký ngày 29/03/2018: Tính đến ngày 07/4/2021 bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng các khoản như sau: Nợ gốc là 100.250.000 đồng, lãi trong hạn là 23.100.000 đồng, lãi quá hạn (lãi chậm trả gốc và lãi chậm trả lãi quá hạn) là 8.515.745 đồng. Tổng cộng 131.865.745 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm chậm nhất đến ngày 07/07/2021 bà Đỗ Thị H phải trả toàn bộ số tiền là 131.865.745 đồng chia làm 3 lần thanh toán và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/04/2021 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ. Cụ thể như sau:

- Lần 1 vào ngày 07/05/2021 bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 42.350.000 đồng. Gồm: Nợ gốc là 35.250.000 đồng, lãi trong hạn là 2.100.000 đồng, lãi quá hạn (lãi chậm trả gốc và lãi chậm trả lãi quá hạn) là 5.000.000 đồng.

- Lần 2 vào ngày 07/06/2021 bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 45.515.745 đồng. Gồm: Nợ gốc là 35.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.000.000 đồng, lãi quá hạn (lãi chậm trả gốc và lãi chậm trả lãi quá hạn) là 3.515.745 đồng.

- Lần 3 vào ngày 07/07/2021 bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 44.000.000 đồng. Gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 14.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/04/2021 đến hết ngày 07/7/2021 trên dư nợ gốc và lãi quá hạn. Nếu đến ngày 07/7/2021, bà Đỗ Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết nêu trên thì bà H phải tiếp tục thực hiện cam kết như đã quy định trong Hợp đồng tín dụng số LD1808800167 ký ngày 29/03/2018 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

2.2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải nộp số tiền 3.616.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 3.011.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019972 ngày 17/9/2020 và biên lai số 0019431 ngày 21/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hữu Q